TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU K** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:15/2018/HNGĐ-ST
Ngày:17/4/2018
V/v Tranh chấp ly hôn,nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU K, TỈNH TRÀ VINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy Phượng.

2. Ông Thạch Qươne.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Thị Hòa Xuân là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Cầu K, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cầu K, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Thạch Tha là Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Cầu K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:459/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017 về việc"Tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị Mỹ L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp Bà My, xã Hòa Ân, huyện Cầu K, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Sơn V, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp Bà My, xã Hòa Ân, huyện Cầu K, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Thạch Thị Mỹ L (là nguyên đơn) trình bày: Bà L và ông Sơn V chung sống với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Ân, huyện Cầu K, tỉnh Trà Vinh năm 2004. Bà L và ông Sơn V có 05 con chung tên: Sơn Nh, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1995; Sơn Thị Sô Ph, sinh ngày 10/01/1999; Sơn Thị Q, sinh ngày 10/11/2001;Sơn Thị L, sinh ngày 01/7/2004; Sơn Tr, sinh ngày 01/01/2006. Hiện 05 người con này đang sống chung với bà L.

Bà L khai nguyên nhân yêu cầu ly hôn là do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi,vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên đã không còn chung sống với nhau từ năm 2011 cho đến nay.

Về con chung: Do Sơn Nh và Sơn Thị Sô Ph đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Sơn Thị Qu, Sơn Thị L và Sơn Tr thì bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Vân cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Sơn V (là bị đơn) vắng mặt không có lý do và không có lời khai.

Tại phiên tòa các con chung của bà L và ông Sơn V là Sơn Thị Qu, Sơn Thị L và Sơn Tr thống nhất có nguyện vọng tiếp tục sống với bà Thạch Thị Mỹ L.

Quan điểm của vị đại diện Viện Kiểm sát: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với nguyên đơn là bà Thạch Thị Mỹ L từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với ông Sơn V từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật.Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Mỹ L. Cho bà Thạch Thị Mỹ L được ly hôn với ông Sơn V.

Về con chung: Giao con chung tên Sơn Thị Qu,sinh ngày 10/11/2001; Sơn Thị L, sinh ngày 01/7/2004; Sơn Tr, sinh ngày 01/01/2006 cho bà Thạch Thị Mỹ L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thạch Thị Mỹ L không yêu cầu ông Sơn V cấp dưỡng nuôi nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Thạch Thị Mỹ L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà L khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc bà Thạch Thị Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Sơn V là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự,Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Sơn V là phù hợp quy định pháp luật.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Mỹ L và ông Sơn V chung sống với nhau vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn năm 2004 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.Tại phiên tòa bà L yêu cầu được ly hôn với ông V với lý do bà L và ông V không có sự quan tâm,yêu thương, giúp đỡ nhau, thường xuyên cự cãi và không còn chung sống với nhau từ năm 2011 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ thể hiện cuộc sống hôn nhân của bà L và ông V có nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng sống không hạnh phúc. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông V xảy ra trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên bà L yêu cầu ly hôn với ông Sơn V là có cơ sở chấp nhận.

[3]Về con chung: Bà L yêu cầu được nuôi con chung tên Sơn Thị Qu, sinh ngày 10/11/2001;Sơn Thị L, sinh ngày 01/7/2004; Sơn Tr, sinh ngày 01/01/2006. Xét thấy, từ khi bà L và ông V không còn chung sống với nhau bà L là người trực tiếp nuôi con, các con bà L vẫn phát triển bình thường.Tại phiên Tòa bà L khẳng định có đủ điều kiện để tiếp tục nuôi con, đồng thời Sơn Thị Qu, Sơn Thị L và Sơn Tr có nguyện vọng tiếp tục chung sống với bà L. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao Sơn Thị Qu, Sơn Thị L và Sơn Tr cho bà Thạch Thị Mỹ L được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích quy định của pháp luật về việc người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng bà L không yêu cầu ông Vân phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[4]Về tài sản chung: Bà Thạch Thị Mỹ L không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà L khai không có nên Tòa án không giải quyết.

[5]Về án phí: Xét thấy cần buộc bà Thạch Thị Mỹ L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của vị Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35,39, 147, khoản 2 Điều 227,Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Mỹ L.

Về hôn nhân: Bà Thạch Thị Mỹ L được ly hôn với ông Sơn V.

Về con chung: Giao con chung cảu bà L và ông Vân tên Sơn Thị Qu, sinh ngày 10/11/2001; Sơn Thị L, sinh ngày 01/7/2004 và Sơn Tr, sinh ngày 01/01/2006 cho bà Thạch Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thạch Thị Mỹ L không yêu cầu ông Sơn V cấp dưỡng nuôi nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Về tài sản chung: Bà Thạch Thị Mỹ L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà L khai không có nên Tòa án không giải quyết.

2.Về án phí: Bà Thạch Thị Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0014708 ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu K. Bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3.Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Sơn V vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4.Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án;tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Cầu K
- TAND tỉnh Trà Vinh

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- CCTHADS huyện Cầu K
- UBND xã Hòa Ân,huyện Cầu K, tỉnh Trà Vinh
- Đương sự
- Lưu.

LÊ THANH TÙNG